TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2018/DS-ST
Ngày: 28-02-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Bà Mai Thị Mỹ Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lý

Bà Trịnh Thị Mỹ Huệ

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Vi Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 273/2017/TLST-DS ngày 30/5/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A
Trụ sở: 198 đường A, Phường B, quận C, thành phố Hà Nội;

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông- Bùi Đức L, sinh năm 1980 là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 126/UQ-NBD-KHBL ngày 12/6/2017); địa chỉ: phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông- Phan Đức T, sinh năm 1979
Địa chỉ: 218/14/1 Tô Ngọc Vân, khu phố 3, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây được gọi tắt là Ngân hàng) có người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Đức L trình bày:

Theo yêu cầu của ông Phan Đức T, ngày 20/3/2014 Ngân hàng đã chấp nhận cho ông T vay số tiền 20.000.000 đồng, thông qua hình thức cấp thẻ tín dụng quốc tế (số thẻ A 4164664). Theo thỏa thuận, ông T có trách nhiệm thanh toán đúng hạn tất cả các khoản nợ phát sinh như nội dung ghi trên bản sao kê. Nhưng từ tháng 4/2015, ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần gửi văn bản thông báo nhắc nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh lý hợp đồng vay ngày 19/3/2014 và yêu cầu ông T thanh toán số nợ còn thiếu tạm tính từ tháng 4/2015 đến ngày 01/02/2018, gồm: nợ gốc: 16.898.271 đồng; tiền lãi: 10.292.574 đồng; phí rút tiền mặt: 372.000 đồng; phí chậm thanh toán (lãi quá hạn): 43.272.626 đồng; phí vượt hạn mức: 9.694.770 đồng; phí thường niên: 400.000 đồng, tổng cộng là 80.630.241 đồng. Đồng thời tính tiền lãi phát sinh sau ngày 01/02/2018 theo hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên, cho đến khi thi hành xong khoản nợ với Ngân hàng

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt và bảo lưu ý kiến đã trình bày trước đây.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên Tòa, đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết thực hiện đúng qui trình thủ tục theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông Phan Đức T có nơi cư trú cuối cùng tại quận Thủ Đức , nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ , nên vụ án được đưa ra xét xử có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, đồng thời căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn- Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với ông Phan Đức T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét giao dịch dân sự giữa hai bên đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định có liên quan của Bộ luật này để giải quyết.

Bị đơn- ông Phan Đức T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập đến Tòa nhưng bị đơn vẫn không đến, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/3/2014, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có phát sinh quan hệ vay tài sản, với số tiền 20.000.000 đồng. Thời hạn vay 36 tháng, với lãi suất vay theo thông báo của ngân hàng ghi trong bản sao kê, phí chậm thanh toán: 3% giá trị thanh toán tối thiểu (50.000 đồng), phí sử dụng vượt hạn mức: từ 01 đến 05 ngày: 8%/năm/số tiền vượt hạn mức, từ 06 đến 15 ngày: 10%/năm/số tiền vượt hạn mức, từ ngày 16 trở đi: 15%/năm/số tiền vượt hạn mức. Tuy nhiên, từ tháng 4/2015, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần thông báo nhắc nợ, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc 16.898.271 đồng; tiền lãi: 10.292.574 đồng; phí rút tiền mặt: 372.000 đồng; phí chậm thanh toán (lãi quá hạn): 43.272.626 đồng; phí vượt hạn mức: 9.694.770 đồng; phí thường

niên: 400.000 đồng, tổng cộng là 80.630.241 đồng, là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do tiền lãi và phí phát sinh chỉ mới được tạm tính đến ngày 01/02/2018, nên cần buộc bị đơn tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 02/02/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ nợ thẻ tín dụng theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế đã ký ngày 20/3/2014.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Hoàn lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; các Điều 186; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bị đơn- ông Phan Đức T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 80.630.241 (tám mươi triệu sáu trăm ba mươi nghìn hai trăm bốn mươi mốt) đồng, thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 02/02/2018, bị đơn còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất, phí đã thỏa thuận trong giấy "Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế" ngày 20/3/2014 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 4.031.512 (bốn triệu không trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm mười hai) đồng, bị đơn phải chịu.

Hoàn lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 1.448.842 (một triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi hai) đồng, theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số 0037291 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Lưu: HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Mỹ Tiên